

DANH MỤC CÁC CỔ PHIẾU CANH MUA KHẨU VỊ LƯỚI SÓNG HỒI NGẮN HẠN



LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ VÀ RỦI RO

STT	Mã khuyến nghị	Luận điểm đầu tư	Rủi ro
1	ANV	- Tự chủ 100% nguyên liệu từ vùng nuôi nội địa, giảm rủi ro chi phí đầu vào - Mảng cá rô phi tăng trưởng mạnh; 2025 LNST ~999 tỷ (+20x yoy), không có đối thủ nội địa - Đang mở rộng thị trường Mỹ, Brazil, Nam Mỹ với triển vọng tăng trưởng dài hạn	- Thuế chống bán phá giá POR21 (0,23 USD/kg) gây áp lực biên lợi nhuận - Phụ thuộc lớn vào một khách hàng Brazil (JBS) — rủi ro tập trung - Giá xuất khẩu cá rô phi khó tăng thêm trong 2026 do cạnh tranh toàn cầu
2	VGTT	- Chuỗi giá trị khép kín sợi-dệt-may đáp ứng quy tắc xuất xứ EVFTA, tạo lợi thế cạnh tranh 9T/2026: LNTT 1.470 tỷ (+40,7% yoy); mảng sợi phục hồi mạnh, LNTT tăng 168% - SCIC dự kiến thoái vốn — kỳ vọng cải thiện định giá và quản trị doanh nghiệp	- Biên lợi nhuận có thể thu hẹp nửa cuối 2026 do nền so sánh cao - Thuế nhập khẩu vào Mỹ ở mức 12,5% có thể ảnh hưởng đến đơn hàng xuất khẩu dài hạn
3	VHC	- Độc quyền miễn thuế chống bán phá giá tại Mỹ (0%), lợi thế cạnh tranh khó sao chép - Chuỗi giá trị khép kín từ nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu 2025: DT 12.026 tỷ, LNST 1.363 tỷ (+11% yoy) với biên lợi nhuận duy trì ổn định	- Thiếu hụt nguyên liệu cá tra có thể kéo dài sang 2026, ảnh hưởng đến khả năng tăng sản lượng - Cạnh tranh gia tăng tại thị trường Mỹ từ các đối thủ Đông Nam Á
4	ACV	- Độc quyền quản lý khai thác 21/23 sân bay trên toàn quốc - Sân bay Long Thành dự kiến khai thác đầu 2027, tăng ~25% công suất hàng không - Mảng phi hàng không tăng trưởng 16,7% CAGR; 1H26: DT 13.164 tỷ (+4%), LNST 5.278 tỷ (+12%)	- Chuyển giao Phú Quốc có thể làm giảm cơ sở doanh thu hiện tại - Căng thẳng địa chính trị có thể giảm lưu lượng đường bay quốc tế - Chi phí đầu tư vào Long Thành tăng ảnh hưởng dòng tiền trung hạn

DANH MỤC CÁC CỔ PHIẾU CANH MUA LƯỢT SÓNG HỒI NGẮN HẠN

STT	Mã khuyến nghị	Vùng giá mua	Vùng giá mục tiêu ngắn hạn	Giá cắt lỗ	Tỷ trọng phân bổ
1	ANV	17.450 – 17.700	19.200 – 19.300	15.800	Không quá 40% NAV
2	VGT	12.000 – 12.200	13.300 – 13.400	11.200	Không quá 40% NAV
3	VHC	50.800 – 51.000	56.700 – 57.000	47.250	Không quá 40% NAV
4	ACV	40.000 – 40.600	44.800 – 45.000	37.500	Không quá 40% NAV

- Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần Chứng khoán VietinBank (Vietinbank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng Vietinbank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.
- Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (Vietinbank Securities).
- Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của Vietinbank Securities.